

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 770/2009/
UBTVQH12

NGHỊ QUYẾT

**về việc bổ sung biên chế và số lượng thẩm phán của Tòa án nhân dân,
Tòa án quân sự các cấp năm 2009 và năm 2010**

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 33/2002/QH10;

Căn cứ Pháp lệnh tổ chức Tòa án quân sự số 04/2002/PL-UBTVQH11;

Xét đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung 1.500 (một nghìn năm trăm) biên chế cho Tòa án nhân dân các cấp năm 2009 và năm 2010, trong đó có 508 (năm trăm linh tám) Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã,

thành phố thuộc tỉnh. Tổng biên chế của Tòa án nhân dân các cấp là 13.524 (mười ba nghìn năm trăm hai mươi tư) người; trong đó có 5.436 (năm nghìn bốn trăm ba mươi sáu) Thẩm phán Tòa án nhân dân các cấp; cụ thể như sau:

1. Bổ sung 119 (một trăm mười chín) biên chế cho Tòa án nhân dân tối cao. Biên chế của Tòa án nhân dân tối cao là 722 (bảy trăm hai mươi hai) người. Giữ nguyên số lượng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là 120 (một trăm hai mươi) người theo quy định tại Nghị quyết số 716/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 18 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Bổ sung 112 (một trăm mười hai) biên chế cho các Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Biên

chê của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là 3.711 (ba nghìn bảy trăm mười một) người. Giữ nguyên số lượng Thẩm phán của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là 1.118 (một nghìn một trăm mười tám) người theo quy định tại Nghị quyết số 716/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 18 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Bổ sung 1.269 (một nghìn hai trăm sáu mươi chín) biên chế cho Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong đó có 508 (năm trăm linh tám) Thẩm phán. Biên chế của Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh là 9.091 (chín nghìn không trăm chín mươi một) người, trong đó có 4.198 (bốn nghìn một trăm chín mươi tám) Thẩm phán.

Điều 2. Giữ nguyên biên chế Tòa án quân sự các cấp là 315 (ba trăm mười lăm) người, trong đó số lượng Thẩm phán Tòa án quân sự các cấp là 141 (một trăm bốn mươi một) người theo quy định tại Nghị quyết số 716/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 18 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bao gồm:

1. Tòa án quân sự Trung ương là 54 (năm mươi tư) người, trong đó số lượng Thẩm phán Tòa án quân sự Trung ương là 19 (mười chín) người.

2. Tòa án quân sự quân khu và tương đương là 108 (một trăm linh tám) người, trong đó số lượng Thẩm phán Tòa án quân sự quân khu và tương đương là 54 (năm mươi tư) người.

3. Tòa án quân sự khu vực là 153 (một trăm năm mươi ba) người, trong đó số lượng Thẩm phán Tòa án quân sự khu vực là 68 (sáu mươi tám) người.

Điều 3. Việc thực hiện biên chế của Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Nghị quyết này phải bảo đảm đúng cơ cấu chức danh, tiêu chuẩn và thủ tục tuyển dụng, bổ nhiệm theo quy định của pháp luật. Hàng năm, Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết trước Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 4.

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2009.

2. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2009

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Trọng